

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2019-2020

Khoa: Công nghệ Thông tin

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: An ninh mạng														
1	17C1-ANM1	15		0	0.00	0	0.00	14	93.33	0	0.00	1	6.67	
2	19C1-ANM1	12		0	0.00	1	8.33	3	25.00	8	66.67	0	0.00	
CỘNG 02 Lớp		27	0	0	0.00	1	3.70	17	62.96	8	29.63	1	3.70	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính														
1	17C1-CMT1	47	1	0	0.00	0	0.00	42	89.36	4	8.51	1	2.13	
2	18C1-CMT1	37		0	0.00	1	2.70	11	29.73	24	64.86	1	2.70	
3	19C1-CMT1	26		0	0.00	0	0.00	2	7.69	21	80.77	3	11.54	
CỘNG 03 Lớp		110	1	0	0.00	1	0.91	55	50.00	49	44.55	5	4.55	
Ngành: Thiết kế đồ họa														
1	18C1-TKĐ1	49	6	1	2.04	8	16.33	12	24.49	28	57.14	0	0.00	
2	19C1-TKĐ1	48	10	0	0.00	0	0.00	9	18.75	36	75.00	3	6.25	
3	19C1-TKĐ2	31	4	0	0.00	0	0.00	1	3.23	30	96.77	0	0.00	
CỘNG 03 Lớp		128	20	1	0.78	8	6.25	22	17.19	94	73.44	3	2.34	
Ngành: Thương mại điện tử														
1	18C1-TMĐ1	10	2	0	0.00	0	0.00	2	20.00	7	70.00	1	10.00	
CỘNG 01 Lớp		10	2	0	0.00	0	0.00	2	20.00	7	70.00	1	10.00	



S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Thiết kế trang Web														
1	17C1-TKW1	15	1	0	0.00	0	0.00	11	73.33	3	20.00	1	6.67	
2	19C1-TKW1	24	3	0	0.00	0	0.00	4	16.67	19	79.17	1	4.17	
CỘNG 02 Lớp		39	4	0	0.00	0	0.00	15	38.46	22	56.41	2	5.13	
Ngành: Tin học ứng dụng														
1	17C1-THU1	17	1	0	0.00	1	5.88	16	94.12	0	0.00	0	0.00	
2	18C1-THU1	27	2	1	3.70	4	14.81	6	22.22	16	59.26	0	0.00	
CỘNG 02 Lớp		44	3	1	2.27	5	11.36	22	50.00	16	36.36	0	0.00	
Ngành: Lập trình máy tính														
1	17C1-LTM1	19	1	0	0.00	0	0.00	18	94.74	0	0.00	1	5.26	
2	17C1-LTM2	28	3	0	0.00	0	0.00	24	85.71	4	14.29	0	0.00	
3	18C1-LTM1	30	1	0	0.00	1	3.33	6	20.00	23	76.67	0	0.00	
4	18C1-LTM2	31		0	0.00	1	3.23	3	9.68	20	64.52	7	22.58	
5	19C1-LTM1	44		0	0.00	0	0.00	6	13.64	38	86.36	0	0.00	
CỘNG 05 Lớp		152	5	0	0.00	2	1.32	57	37.50	85	55.92	8	5.26	
Ngành: Mạng máy tính, Quản trị mạng máy														
1	17C1-QTM1	27	4	0	0.00	1	3.70	24	88.89	1	3.70	1	3.70	
2	18C1-QTM1	34	4	0	0.00	1	2.94	2	5.88	29	85.29	2	5.88	
3	19C1-QTM1	30		0	0.00	0	0.00	2	6.67	22	73.33	6	20.00	
4	18C2-QTM1	33	2	0	0.00	4	12.12	9	27.27	19	57.58	1	3.03	
5	19C2-QTM1	33	1	3	9.09	5	15.15	10	30.30	15	45.45	0	0.00	
CỘNG 05 Lớp		157	11	3	1.91	11	7.01	47	29.94	86	54.78	10	6.37	
Trung cấp														
Ngành: An ninh mạng														
1	18T4-ANM1	33	3	6	18.18	7	21.21	14	42.42	6	18.18	0	0.00	
2	19T4-ANM1	20	1	0	0.00	0	0.00	2	10.00	18	90.00	0	0.00	
3	19T4-ANM2	26	2	0	0.00	1	3.85	4	15.38	17	65.38	4	15.38	
CỘNG 03 Lớp		79	6	6	7.59	8	10.13	20	25.32	41	51.90	4	5.06	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy														
1	17T4-CMT1	20		1	5.00	0	0.00	3	15.00	16	80.00	0	0.00	
2	18T4-CMT1	47		0	0.00	0	0.00	1	2.13	37	78.72	9	19.15	
3	19T4-CMT1	50	1	0	0.00	0	0.00	3	6.00	34	68.00	13	26.00	
4	19T4-CMT2	23	2	0	0.00	0	0.00	1	4.35	22	95.65	0	0.00	
CỘNG 04 Lớp		140	3	1	0.71	0	0.00	8	5.71	109	77.86	22	15.71	
Ngành: Thiết kế đồ họa														
1	18T4-TKĐ1	41	12	0	0.00	6	14.63	15	36.59	20	48.78	0	0.00	
2	18T4-TKĐ2	31	8	0	0.00	1	3.23	3	9.68	26	83.87	1	3.23	
3	19T4-TKĐ1	50	19	0	0.00	0	0.00	3	6.00	47	94.00	0	0.00	
4	19T4-TKĐ2	53	25	0	0.00	0	0.00	5	9.43	47	88.68	1	1.89	
CỘNG 04 Lớp		175	64	0	0.00	7	4.00	26	14.86	140	80.00	2	1.14	
Ngành: Thiết kế trang Web														
1	17T4-TKW1	20		0	0.00	0	0.00	4	20.00	16	80.00	0	0.00	
2	18T4-TKW1	30	5	0	0.00	0	0.00	3	10.00	25	83.33	2	6.67	
3	19T4-TKW1	52	9	0	0.00	1	1.92	2	3.85	42	80.77	7	13.46	
CỘNG 03 Lớp		102	14	0	0.00	1	0.98	9	8.82	83	81.37	9	8.82	
Ngành: Thương mại điện tử														
1	19T4-TMĐ1	18	9	0	0.00	1	5.56	4	22.22	10	55.56	3	16.67	
CỘNG 01 Lớp		18	9	0	0.00	1	5.56	4	22.22	10	55.56	3	16.67	
Ngành: Tin học ứng dụng														
1	17T4-THU1	42	11	1	2.38	6	14.29	12	28.57	21	50.00	2	4.76	
2	18T4-THU1	40	10	1	2.50	1	2.50	4	10.00	34	85.00	0	0.00	
3	19T4-THU1	53	14	1	1.89	0	0.00	12	22.64	39	73.58	1	1.89	
CỘNG 03 Lớp		135	35	3	2.22	7	5.19	28	20.74	94	69.63	3	2.22	

H
 CÔNG
 ĐẢNG
 TỈNH
 H PH
 H MI

